TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG DÂN** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 26/11/2019
"V/v tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG DÂN, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Chí Tâm

- *Các Hội thẩm nhân dân* 1/ Ông Danh On

2/ Bà Nguyễn Thị Hiếu

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Quách Văn Quy - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân tham gia phiên tòa:* Ông Dương Minh Kha - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hồng Dân mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 192/2019/TLST–HNGĐ, ngày 05 tháng 8 năm 2019 về việc tranh chấp ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2019/QĐXXST–HNGĐ, ngày 15 tháng 10 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hải L, sinh năm 1989

Địa chỉ: Ấp Ph, TT. M, huyện Ch, tỉnh H.

Bị đơn: Anh Huỳnh Kha L1, sinh năm 1989

Địa chỉ: Ấp Ng, xã N, huyện H, tỉnh B.

(Chị L vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt; anh L1 vắng mặt không thông báo lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Lời trình bày của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hải L tại đơn khởi kiện đề ngày 30/7/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Huỳnh Kha L1 tự tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân. Đám cưới được tổ chức vào năm 2009 và đến ngày 11/02/2011chúng tôi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ninh Quới, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu. Trong thời gian chung sống với tôi anh L1 hay chơi cờ bạn làm tiêu tốn tài sản. Mặt khác, anh L1 không chung thủy với tôi và có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nên đến cuối năm 2012 chúng tôi đã ly thân nhau đến nay. Nay tôi nhận thấy không còn tình cảm với anh L1, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh Kha L1.

Về con chung và tài sản chung chúng tôi không có, kể cả nợ chung nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề này.

Ngoài ra, không còn yêu cầu nào khác.

Bị đơn anh Huỳnh Kha L1 không có lời trình bày:

Anh Huỳnh Kha L1 có hộ khẩu thường trú tại Ấp Ng, xã N, huyện H, tỉnh B nhưng anh thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú. Dó đó, Tòa án không thu thập được lời khai của anh L1.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi tham gia tố tụng cho đến nay, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Bị đơn không thực hiện theo yêu cầu của Tòa án.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hải L .

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hải L được ly hôn với anh Huỳnh Kha L1.

Về con chung và tài sản chung: Không có và đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

Ngoài ra, Chị L phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng. Anh L1 không phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[I] Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị Hải L khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh Kha L1 nên căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án thụ lý giải quyết vụ án về "Tranh chấp ly hôn" là đúng quy định.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Huỳnh Kha L1 có nơi đăng ký thường trú tại Ấp Ng, xã N, huyện H, tỉnh B nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hải L vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với Chị L. Bị đơn anh Huỳnh Kha L1 vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh Huỳnh Kha L1.

[II] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hải L.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hải L và anh Huỳnh Kha L1 cưới nhau trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ninh Quới, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 11/02/2011 nên quan hệ hôn nhân giữa Chị L và anh L1 là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Cuộc hôn nhân của Chị L với anh L1 không được hạnh phúc nên hai người đã ly thân nhau từ cuối năm 2012 đến nay. Chị L xác định không còn tình cảm với anh L1 nữa nên yêu cầu ly hôn.

Kết quả xác minh về tình trạng hôn nhân giữa Chị L và anh L1 đúng như lời trình bày của Chị L hai người đã ly thân nhau khá lâu.

Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn cũng như kết quả xác minh về tình trạng hôn nhân của Chị L và anh L1, Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa Chị L và anh L1 là mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể hàn gắn lại được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Hải L.

[2] Về quan hệ con chung và tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Hải L xác định vợ chồng chị không có con chung và tài sản chung cũng như nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Nguyễn Thị Hải L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Anh Huỳnh Kha L1 không phải chịu án phí.

[5] Về ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên: Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hải L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hải L được ly hôn với anh Huỳnh Kha L1.

2. Về con chung và tài sản chung: Không có và đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Hải L nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị Nguyễn Thị Hải L đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002690 ngày 30/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu nay chuyển thu án phí.

Anh Huỳnh Kha L1 không phải chịu án phí.

Án xử sơ thẩm công khai các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ

ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị theo quy định pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bạc Liêu
- VKSND huyện Hồng Dân;
- Chi cục THADS huyện Hồng Dân;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Chí Tâm